TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/DS-PT
Ngày: 22/5/2023
V/v: Chia thừa kế theo pháp luật;
Hủy văn bản công chứng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Đinh Như Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*:** Bà Ngô Phương Liên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 493/2022/TLPT-DS ngày 14/11/2022 về việc "Chia thừa kế theo pháp luật; yêu cầu hủy văn bản công chứng ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 199/2023/QĐ-PT ngày 4/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 209/QĐPT-HPT ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Chờ, sinh năm 1947.

HKTT: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Trú tại: Tổ 3, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường An, sinh năm 1978.

HKTT: Tổ 21 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, sinh năm 1941

HKTT và chỗ ở: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Đinh Văn Thảo, sinh năm 1987;

HKTT: Thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội

Trợ giúp pháp lý: Bà Nguyễn Thị Len, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nghĩa:

Luật sư Nguyễn Phan Hào, Văn phòng luật sư Phan Hào; địa chỉ: Nhà số 1, ngõ 442, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Bình, sinh năm 1957

Trú tại: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội

2. Bà Nguyễn Thị Đợi, sinh năm 1949

HKTT: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội

3. Anh Nguyễn Văn Nhân, sinh năm 1977 (con ông Nghĩa)

4. Chị Lê Thị Lương, sinh năm 1980 (vợ anh Nhân)

5. Cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh năm 2010 (con anh Nhân)

6. Cháu Nguyễn Thị Trang, sinh năm 2012 (con anh Nhân)

7. Cháu Nguyễn Văn Hiếu, sinh nưam 2014 (con anh Nhân)

(Các cháu Quỳnh, Trang, Hiếu do anh Nhân, chị Lương giám hộ.)

8. Anh Nguyễn Văn Đạo, sinh năm 1979 (con ông Nghĩa)

9. Chị Nguyễn Thị Thơm, sinh năm 1987 (vợ anh Đạo)

10. Cháu Nguyễn Bảo Phương, sinh năm 2013 (con anh Đạo)

11. Cháu Nguyễn Bảo Ngọc, sinh năm 2020 (con anh Đạo)

(Các cháu Phương, cháu Ngọc do anh Đạo, chị Thơm giám hộ)

12. Anh Nguyễn Văn Vương, sinh năm 1981 (con ông Nghĩa)

13. Chị Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1985 (vợ anh Vương)

14. Cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh năm 2013 (con anh Vương

15. Cháu Nguyễn Văn Nhật Minh, sinh năm 2015 (con anh Vương)

(Các cháu Diệp, cháu Minh do anh Vương, chị Huệ giám hộ)

16. Chị Nguyễn Thị Vượng, sinh năm 1984 (con ông Nghĩa)

17. Anh Lương Văn Sơn, sinh năm 1985 (chồng chị Vượng)

18. Cháu Lương Nhân Trường, sinh năm 2012 (con chị Vượng)

19. Cháu Lương Nhân Giang, sinh năm 2015 (con chị Vượng)

(Các cháu Trường, cháu Giang do chị Vượng, anh Sơn giám hộ)

Cùng trú tại: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội

20. Bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1937

Trú tại: Xóm Trung Thanh, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội

21. Bà Vũ Thị Ly, sinh năm 1947

HKTT: Phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trường An, sinh năm 1978

22. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Trụ sở: Số 375 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Cường, Chủ tịch UBND

23. Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân

Trụ sở: Đường Kim Giang, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Mai Oanh.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nghĩa là bị đơn; anh Nguyễn Văn Đạo là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

** Đại diện ủy quyền của ông Chờ, bà Ly trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1914 (chết ngày 13/4/1997) và cụ Tưởng Thị Quý, sinh năm 1921 (chết ngày 01/04/1977) có 04 người con chung, lần

lượt là: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Đợi và bà Nguyễn Thị Bình. Ngoài ra, hai cụ không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Hải, cụ Quý có tài sản chung là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội, diện tích 1.359m^2.

Năm 1977, cụ Quý chết không để lại di chúc. Năm 1997, cụ Hải chết không để lại di chúc.

Năm 2003, các con của cụ Quý, cụ Hải đã họp gia đình để phân chia di sản do cụ Quý, cụ Hải để lại, theo đó, ông Chờ được quản lý, sử dụng thửa đất số 3(1), tờ bản đồ số 5, diện tích 210m^2 có 27m^2 ngõ đi chung. Ông Chờ đã nộp thuế sử dụng đất hàng năm và xây dựng một căn nhà tạm để ở nhưng nay đã bị đổ nát. Sau đó gia đình cũng đã họp phân chia đất vào năm 2007, và gần nhất là năm 2019.

Ngày 28/11/2019, các con cụ Quý, cụ Hải đã ra Văn phòng Công chứng Vĩnh Xuân có địa chỉ tại 734 Kim Giang, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội để làm văn bản thỏa thuận cử người đại diện là ông Nguyễn Văn Nghĩa được nhân danh và thay mặt cho các anh em đứng ra thực hiện các công việc để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất nêu trên và thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế của cụ Quý, cụ Hải để lại theo quy định của pháp luật. Nhưng cho đến nay sau nhiều lần họp bàn, ông Nghĩa vẫn không thực hiện theo các thỏa thuận đã thống nhất như nội dung trong văn bản công chứng ngày 28/11/2019.

Nay ông Chờ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông Chờ xin được chia hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Nguyên đơn đưa ra phương án hòa giải là các bên thực hiện phân chia theo Biên bản họp gia đình ngày 28/11/2019, theo đó, ông Chờ được chia 200m^2 và có ngõ đi chung rộng 2m từ ngõ bê tông của xóm đến giáp nhà anh Nhân (không bao gồm phần rãnh thoát nước). Trường hợp các đương sự khác không đồng ý thì đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

Về yêu cầu phản tố của ông Nghĩa đề nghị Tòa án tuyên hủy toàn bộ Văn bản thỏa thuận cử người đại diện, số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân: Do các bên hiện đang tranh chấp nên việc cử ông Nghĩa đại diện thực hiện công việc theo văn bản trên là không thể thực hiện được, đề nghị Tòa án chấm dứt việc cử người đại diện theo văn bản trên.

** Bị đơn có yêu cầu phản tố là ông Nguyễn Văn Nghĩa và đại diện ủy quyền của ông Nghĩa trình bày:*

Ông Nghĩa xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Về di sản cụ Hải, cụ Quý để lại là thửa đất tại xóm Cộng Hòa, thôn Hữu Từ, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trong các văn bản trả lời của xã và một số văn bản, ông Nghĩa xác nhận toàn bộ 1.359m^2 đất này đều do bố mẹ ông để lại là để tiện cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế,

các cụ chỉ để lại 265m^2 đất, hiện có nhà ông Chờ và một phần nhà anh Nhân. Phần diện tích đất còn lại có nguồn gốc như sau:

Năm 1974, ông Nghĩa được bà Nguyễn Thị Thái là con gái của cụ Dũi (cụ Dũi là anh trai cụ Hải) cho 267m^2 đất của cụ Dũi để lại. Phần diện tích đất này ở phía Nam của thửa đất 03, tờ bản đồ 05. Do cụ Dũi, cụ Lạch không có con trai nên bà Thái đã cho ông Nghĩa đất để ông Nghĩa thờ cúng các cụ như bố mẹ ruột.

Năm 1982, ông Nghĩa đã mua 648m^2 đất xen kẹt của Hợp tác xã. Ông Nghĩa nộp tiền ở mức 216m^2 đất, còn nhận hiện trạng là 648m^2 đất.

Năm 1991, ông Nghĩa mua thanh lý đất kẹt, ngòi, rãnh và ao của xóm Cộng Hòa.

Ngày 01/4/2004, ông Nghĩa, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi đã họp và lập văn bản "Giấy giao quyền sử dụng đất tổ tiên", có nội dung: Ông Chờ được quản lý, sử dụng 160m^2 đất để ở và làm nhà thờ các cụ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hữu Hòa ngày 21/11/2004.

Ngày 02/8/2007, các ông bà họp gia đình, ông Nghĩa đồng ý cho thêm diện tích đất cho ông Chờ, nên đã lập biên bản có nội dung: Ông Chờ được quản lý, sử dụng 210m^2 đất đã bao gồm 27m^2 ngõ đi chung và biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hữu Hòa.

Ngày 12/8/2007, Ủy ban nhân dân xã Hữu Hòa đã lập biên bản hiện trạng sử dụng đất có thể hiện phần diện tích đất do các ông bà thỏa thuận chia theo biên bản ngày 02/8/2007.

Ngày 28/11/2019, các ông bà tiếp tục họp gia đình và thống nhất: ông Chờ được chia 200m^2, bà Bình được chia 40m^2, toàn bộ phần đất còn lại là của ông Nghĩa.

Nay ông Chờ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là do ông Nghĩa chưa làm được sổ đỏ. Quan điểm của ông Nghĩa là vẫn phân chia theo thỏa thuận của các anh em trong gia đình ngày 28/11/2019. Trường hợp ông Chờ, bà Bình, bà Đợi đồng ý với việc phân chia như đã thỏa thuận thì ông Nghĩa tự nguyện lùi vào 0,8m đất thuộc phần đất ông được chia, giáp với phần ngòi của xã (rộng 1,2m), để làm ngõ đi chung có chiều rộng 2m.

Trường hợp các ông bà không đồng ý, thì ông Nghĩa vẫn đồng ý chia cho ông Chờ 200m^2 nhưng đi ngõ giáp nhà bà Hùng. Còn nếu các bên không thương lượng, hòa giải được thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ án và áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với di sản do cụ Quý để lại do cụ Quý mất năm 1977 nên đã hết thời hiệu chia thừa kế. Ông Nghĩa xin được chia hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Ông Nghĩa có yêu cầu phản tố: Đề nghị Tòa án tuyên hủy toàn bộ Văn bản thỏa thuận cử người đại diện, số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân do: Di sản của cụ Hải, cụ Quý để lại chỉ có 265m^2, không phải 1.359m^2 như nội dung văn bản; Hiện nay ông Chờ đã khởi kiện ông Nghĩa về việc chia thừa kế di sản của cụ Hải, cụ Quý để lại nên việc cử ông Nghĩa làm đại diện thực hiện các công việc theo văn bản trên không còn ý nghĩa nữa, nên ông Nghĩa đề nghị chấm dứt việc đại diện theo văn bản thỏa thuận cử người đại diện.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Bình trình bày:*

Bà xác nhận lời trình bày của các đương sự về quan hệ huyết thống. Cụ Hải, cụ Quý có tài sản chung là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội, diện tích 1.359m^2. Bố mẹ của cụ Hải có để lại cho cụ Hải, cụ Quý 300m^2. Cụ Lạch (anh trai cụ Hải) không có con trai nên cho cụ Hải thừa tự khoảng hơn 200m^2, còn hơn 700m^2 là do cụ Hải, cụ Quý mua từ trước khi cải cách ruộng đất nên không có giấy tờ. Do đó, toàn bộ 1.359m^2 là di sản thừa kế của các cụ để lại, không phải của ông Nghĩa. Về việc ông Nghĩa có giấy của bà Thái (con cụ Lạch) cho đất là do các anh chị em trong gia đình muốn ông Nghĩa chia đất cho ông Chờ, nên mới viết giấy cho ông Nghĩa phần đất của ông Lạch.

Nay ông Chờ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, quan điểm hòa giải của bà là các bên thực hiện phân chia theo Biên bản họp gia đình ngày 28/11/2019, theo đó, ông Chờ được chia 200m^2 và có ngõ đi chung rộng 2m từ ngõ bê tông của xóm đến giáp nhà anh Nhân (không bao gồm phần rãnh thoát nước), bà Bình được chia 40m^2. Trường hợp các đương sự khác không đồng ý thì đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Nếu được chia hưởng, bà xin được hưởng bằng hiện vật.

Về yêu cầu phản tố của ông Nghĩa, do các bên hiện đang tranh chấp nên việc cử ông Nghĩa đại diện thực hiện công việc theo văn bản thỏa thuận cử người đại diện là không thể thực hiện được, đề nghị Tòa án chấm dứt việc cử người đại diện theo văn bản trên.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Đợi trình bày:*

Bà Đợi xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông Nghĩa về quan hệ huyết thống và về di sản cụ Hải, cụ Quý để lại là 265m^2 thuộc thửa đất tại xóm Cộng Hòa, thôn Hữu Từ, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nay ông Chờ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Nếu được hưởng thừa kế, bà xin được nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông Nghĩa.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy văn bản thỏa thuận cử người đại diện.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn Nhân, anh Nguyễn Văn Đạo trình bày:*

Anh Nhân, anh Đạo xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông Nghĩa về quan hệ huyết thống và về di sản cụ Hải, cụ Quý để lại là khoảng 300m^2 đất tại xóm Cộng Hòa, thôn Hữu Từ, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Phần diện tích đất còn lại là do ông Nghĩa mua thêm sau này. Cụ Hải, cụ Quý mất đều không để lại di chúc, nhưng trước khi cụ Hải mất, cụ Hải có nói giao toàn bộ thửa đất này cho ông Nghĩa quản lý, sử dụng do ông Chờ đã đi thoát ly nên không còn quyền lợi gì. Ông Chờ cũng đã được ông Nghĩa cho tiền để làm ăn ở Thái Nguyên, không về quê nữa.

Năm 2003, ông Nghĩa, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi họp gia đình và cho ông Chờ 160m^2 đất để thờ phụng các cụ.

Năm 2007, các ông bà họp gia đình và ông Nghĩa đồng ý cho ông Chờ 210m^2 đất bao gồm 27m^2 ngõ đi chung.

Nay ông Chờ khởi kiện chia thừa kế, các anh nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của ông Nghĩa. Hiện vợ chồng các anh đều đang ở tại thửa đất này. Toàn bộ nhà và các công trình xây dựng là ông Nghĩa xây, vợ chồng các anh chỉ ở tại đây.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị Lương, chị Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Văn Vương, chị Nguyễn Thị Huệ, chị Nguyễn Thị Vượng, anh Lương Văn Sơn:* các anh chị đều không đến tòa, không có lời khai nhưng có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án, nhất trí theo nội dung trình bày của ông Nghĩa.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thái trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Dũi và cụ Nguyễn Thị Lạch. Cụ Dũi là anh trai của cụ Nguyễn Văn Hải. Cụ Dũi, cụ Lạch có 01 thửa đất, diện tích khoảng 200m^2 thuộc xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội, nay là phần diện tích phía Nam của thửa đất số 03, tờ bản đồ 05. Hiện trên phần đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 và một số công trình do gia đình anh Nguyễn Văn Nhân đang quản lý, sử dụng.

Cụ Dũi, cụ Lạch có 05 người con, nhưng 04 người con đều đã chết rất sớm, không có người thừa kế. Còn cụ Thái đi lấy chồng ở xóm Trung Thanh, nên không sử dụng thửa đất nêu trên. Vì vậy, khi cụ Dũi, cụ Lạch còn sống, hai cụ đã cho ông Nghĩa toàn bộ diện tích thửa đất nêu trên. Sau khi hai cụ chết, theo nguyện vọng của hai cụ, bà Thái đã viết giấy biên nhận quyền sở hữu đất ở với nội dung cho ông Nghĩa toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất và thờ cúng hai cụ. Chồng bà Thái là ông Nguyễn Đức Dần (đã chết) cũng ký tên và đồng ý việc cho ông Nghĩa đất.

Phần diện tích khoảng 200m^2 đất nêu trên bà đã cho ông Nghĩa nên bà không còn liên quan gì đến thửa đất này và cũng không có tranh chấp gì. Nay ông Chờ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ Quý, cụ Hải để lại, quan điểm của bà Thái là đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ án. Do tuổi cao, sức yếu, đi lại khó khăn nên bà Thái xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, UBND huyện Thanh Trì trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì không phải là người có quyền, nghĩa vụ liên quan do thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì không tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân, đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Mai Oanh trình bày:*

Văn bản thỏa thuận cử người đại diện số công chứng 05571/2019/VBTT ngày 28/11/2019 có nội dung đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện đúng ý chí của các bên. Công chứng viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, văn phòng công chứng Vĩnh Xuân không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Nghĩa về việc hủy văn bản công chứng nêu trên.

Tuy nhiên, trong văn bản thỏa thuận cử người đại diện, có nội dung ông Chờ, bà Bình, bà Đợi cử ông Nghĩa và ủy quyền cho ông Nghĩa thực hiện các công việc nêu trong văn bản. Văn phòng công chứng nhận thấy Tòa án có thể tuyên ông Nghĩa có quyền đơn phương chấm dứt việc ủy quyền.

Do bận công việc, bà Oanh đề nghị Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Chờ.

2. Xác nhận quyền sử dụng 1.092m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Hải, cụ Tưởng Thị Quý.

Thanh toán tài sản chung vợ chồng, cụ Nguyễn Văn Hải và cụ Tưởng Thị Quý mỗi người được chia: 1.092m^2: 2 = 546m^2, trị giá: 546m^2 x 42.000.000 đồng/m^2 = 22.932.000.000 đồng.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hải là ngày 13/4/1997. Thời điểm mở thừa kế của cụ Tưởng Thị Quý là ngày 01/4/1977. Xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của cụ Hải còn thời hiệu. Xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Quý đã hết.

4. Xác nhận những người được thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Hải là: ông Nguyễn Văn Nghĩa, ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Đợi. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng trị giá 5.733.000.000 đồng.

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đợi nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa. Ông Nguyễn Văn Nghĩa được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 11.466.000.000 đồng.

4.2. Xác nhận ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Bình mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 5.733.000.000 đồng.

5. Chia hiện vật nhà đất tại 1.092m^2 thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội như sau:

5.1. Giao ông Chờ được quản lý, sử dụng 200m^2 đất và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 1', 2', 30, 26, 1' theo sơ đồ phân chia); Tổng giá trị là: 8.409.643.000 đồng.

5.2. Giao bà Bình được quản lý, sử dụng 45,4m^2 đất và 27,6m^2 ngõ đi và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 1, 1', 26, 30, 24', 24'', 25, 1 theo sơ đồ phân chia). Tổng giá trị là: 3.069.561.000 đồng.

5.3. Giao ông Nghĩa được quản lý, sử dụng 819m^2 đất và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 2', 3', 27, 28, 29, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 31, 14', 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 24', 2' theo sơ đồ phân chia). Tổng trị giá: 34.427.753.000 đồng .

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bình không yêu cầu ông Chờ phải thanh toán phần chênh lệch tài sản.

6.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chờ không yêu cầu ông Nghĩa phải thanh toán giá trị nhà và các công trình do ông Chờ xây dựng trên phần diện tích đất được giao cho ông Nghĩa.

6.2. Ông Chờ phải thanh toán cho ông Nghĩa giá trị các công trình do ông Nghĩa xây dựng trên phần đất ông Chờ được chia là: 9.643.000 đồng.

7. Bà Bình có quyền tháo dỡ phần nhà cấp 4 trên diện tích đất được giao cho bà Bình để đảm bảo việc sử dụng ngõ đi. Khi tháo dỡ, phải đảm bảo đối với phần công trình còn lại.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, những người đang sinh sống tại thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án để thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Chấm dứt việc cử ông Nghĩa làm người đại diện theo Văn bản thỏa thuận cử người đại diện số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 được lập tại Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân.

10. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Nghĩa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đạo kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Trợ giúp viên pháp lý, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nghĩa và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đạo trình bày: Bản án sơ thẩm xác định di sản của cụ Hải và cụ Quý là 1.092m^2 đất là không đúng, thực tế di sản của hai cụ chỉ là 265m^2 đất, diện tích đất còn lại có nguồn gốc ông Nghĩa mua của HTX. Quá trình quản lý sử dụng ông Nghĩa có nhiệu công sức tôn tạo nhưng bản án sơ thẩm không trích công sức tôn tạo cho ông Nghĩa. Hiện gia đình anh Đạo đang sinh sống tại vị trí đất mà bản án sơ thẩm giao ông Chờ sử dụng, như vậy làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đạo. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, xác định di sản là 265m^2 đất; giao đất cho ông Chờ ở vị trí theo Biên bản thỏa thuận năm 2007, 2019; trích công sức tôn tạo cho ông Nghĩa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chờ đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc anh Vương phải dỡ bỏ phần tường xây trên diện tích mà bản án sơ thẩm đã giao cho ông Chờ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bình đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đợi, anh Vương, anh Nhân thống nhất với ý kiến của anh Đạo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nghĩa.

**** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thái, chị Lê Thị Lương, chị Nguyễn Thị Thơm, chị Nguyễn Thị Huệ, chị Nguyễn Thị Vượng, anh Lương Văn Sơn; UBND huyện Thanh Trì, Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân*** vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX công bố lời khai của các đương sự vắng mặt

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo hướng trích công sức tôn tạo cho ông Nghĩa trước khi chia thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Nghĩa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đạo nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nghĩa có đơn xin hoãn phiên tòa để mời luật sư. Xét thấy, phiên tòa hôm nay là phiên tòa lần thứ hai lý do ông Nghĩa xin hoãn phiên tòa là không phù hợp với quy định tại Điều 296 BLTTDS. HĐXX xét xử theo quy định và chấp nhận Luật sư Nguyễn Phan Hào, Văn phòng luật sư Phan Hào là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nghĩa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thái, chị Lê Thị Lương, chị Nguyễn Thị Thơm, chị Nguyễn Thị Huệ, chị Nguyễn Thị Vượng, anh Lương Văn Sơn; UBND huyện Thanh Trì, Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa. HĐXX xét xử theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

Về nội dung:

Về diện và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1914 (chết ngày 13/4/1997) và cụ Tưởng Thị Quý, sinh năm 1921 (chết ngày 01/4/1977) có 04 người con chung, lần lượt là: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Đợi và bà Nguyễn Thị Bình. Ngoài ra, hai cụ không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hải là ngày 13/4/1997. Thời điểm mở thừa kế của cụ Tưởng Thị Quý là ngày 01/4/1977. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Hải, cụ Quý vào ngày 21/12/2021. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 và yêu cầu của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu, xác định còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của cụ Hải và hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Quý.

Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hải là ông Nghĩa, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi.

Về di sản:

Sinh thời, cụ Hải, cụ Quý có tạo lập được 01 khối tài sản chung là một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân xã Hữu Hòa đang lưu trữ thể hiện: Theo bản đồ đo đạc năm 1986, thửa đất ông Chờ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tương ứng với hai thửa đất là thửa đất số 4, tờ bản đồ 02, diện tích 1.025m^2, chủ sử dụng là Nhân + Hải + Hòa – Nghĩa, loại đất ở, UBND xã không xác định được người tên Hòa; thửa đất số 22, tờ bản đồ 02, diện tích 267m^2, không thể hiện tên chủ sử dụng đất và loại đất. Theo bản đồ đo đạc năm 1994, hai thửa đất trên tương ứng với một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05, diện tích 1.708m^2, chủ sử dụng là Nguyễn Văn Nghĩa + Chờ, loại đất ở.

UBND xã Hữu Hòa cung cấp: Nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 bao gồm 1.359m^2 đất do cụ Nguyễn Văn Hải, cụ Tưởng Thị Quý để lại và một phần diện tích đất của ông Nghĩa được mua thanh lý năm 1991. Phần diện tích đất ông Nghĩa được thanh lý nằm ở vị trí phía Bắc của thửa đất số 03, tờ bản đồ 05, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi bê tông, phía Nam và phía Tây giáp thửa đất gia đình ông Nghĩa đang sử dụng, phía Đông giáp rãnh nước. UBND xã Hữu Hòa đề nghị Tòa án căn cứ văn bản số 167/UBND ngày 02/7/2019 về việc cung cấp thông tin đất đai cho ông Nguyễn Văn Nghĩa để xác định di sản cụ Hải, cụ Quý để lại là 1.359m^2.

Tại Bản cam kết ngày 02/11/2020 và Đơn xin xác nhận số nhân khẩu ngày 02/11/2020 của ông Nguyễn Văn Nghĩa trình bày với tư cách đại diện của những người hưởng thừa kế quyền sử dụng đất gồm ông Nghĩa, ông Chờ, bà Đợi, bà Bình: Ông Nghĩa đã xác nhận thửa đất số 03, tờ bản đồ 05, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1.359m^2 là của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nghĩa xuất trình "Giấy biên nhận quyền sở hữu đất ở cho em Nguyễn Văn Nghĩa" có nội dung bà Nguyễn Thị Thái cho ông Nghĩa toàn bộ thửa đất cụ Dũi, cụ Lạch để lại. Nhưng văn bản này không xác định diện tích đất cụ thể. Ông Nghĩa trình bày được bà Thái cho 267m^2 đất trong số 1.359m^2 đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ 05. Theo bản đồ đo đạc năm 1986, thể hiện thửa đất số 22, tờ bản đồ 02, diện tích 267m^2 có vị trí phù hợp với lời khai của bà Thái, ông Nghĩa. Mặt khác, các đương sự đều xác nhận do cụ Dũi và cụ Lạch không có con trai nên cho ông Nghĩa khoảng hơn 200m^2 đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, xác định diện tích 267m^2 đất là của ông Nghĩa được bà Thái cho riêng, không thuộc di sản thừa kế của cụ Quý, cụ Hải.

Ông Nghĩa trình bày, năm 1982, ông Nghĩa đã mua 648m^2 đất xen kẹt của Hợp tác xã, thể hiện tại văn bản ngày 26/8/1982 có chữ ký xác nhận của ông Đoàn Hồng là cán bộ quản lý ruộng đất thời kỳ đó. Năm 1991, ông Nghĩa mua đất kẹt của xóm Cộng Hòa có xác nhận của UBND xã Hữu Hòa, nhưng không có văn bản, tài liệu thể hiện diện tích đất cụ thể. Văn bản ngày 26/8/1982 có nội dung: Được lập thành 02 bản, một bản lưu UBND xã, một bản giao cho gia đình. Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã Hữu Hòa, không có bất kỳ tài liệu, giấy tờ nào về việc xóm Cộng Hòa hay UBND xã Hữu Hòa thanh lý đất cho ông Nghĩa. UBND xã cũng không ban hành văn bản, quyết định nào về việc giao đất cho ông Nghĩa. Do đó, lời khai

của ông Nghĩa về việc mua 648m^2 đất là không có căn cứ để xem xét. UBND xã Hữu Hòa cung cấp: Thửa đất số 03, tờ bản đồ 05, diện tích 1.708m^2 có nguồn gốc là 1.359m^2 đất của cụ Hải, cụ Quý để lại và phần diện tích đất ông Nghĩa được thanh lý năm 1991, do không xác định được phần diện tích thanh lý và không thuộc phần di sản thừa kế, nên không xem xét.

Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung của cụ Hải, cụ Quý là 1.359m^2 – 267m^2 (phần đất của bà Thái cho ông Nghĩa) = 1.092m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội là phù hợp. Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất có sự biến động tăng thêm không đáng kể về diện tích, tuy nhiên hình thể phần diện tích đất do bà Thái cho ông Nghĩa và phần diện tích đất cụ Hải, cụ Quý để lại theo sơ đồ đo đạc hiện trạng dưới sự chỉ dẫn mốc giới của các đương sự cũng phù hợp với hình thể thửa đất theo bản đồ năm 1986.

Chia tài sản chung vợ chồng, cụ Nguyễn Văn Hải và cụ Tưởng Thị Quý mỗi người được chia: 1.092m^2: 2 = 546m^2, trị giá: 546m^2 x 42.000.000 đồng/m^2 = 22.932.000.000 đồng.

Về di sản thừa kế của cụ Quý để lại:

Phần di sản của cụ Quý đã hết thời hiệu chia thừa kế và ông Nghĩa đang quản lý, sử dụng di sản hợp pháp bản án sơ thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và Giải đáp một số vấn đề về Hình sự, Tố tụng hình sự, dân sự, Tố tụng dân sự số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao giao cho ông Nghĩa quản lý, sử dụng 546m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội là đúng quy định.

Về di sản thừa kế của cụ Hải để lại:

** Về việc chia thừa kế:*

Ngày 02/8/2007, ông Nghĩa, bà Bình, bà Đợi, ông Chờ đã họp gia đình và lập biên bản có nội dung: Ông Chờ được quản lý, sử dụng 210m^2 đất đã bao gồm 27m^2 ngõ đi chung có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hữu Hòa. Ông Chờ đã xây nhà tạm trên phần đất được chia, nhưng quá trình sử dụng, ông Nghĩa thường cản trở việc ông Chờ sử dụng ngõ đi chung, và thu hẹp ngõ đi rộng 2m thành ngõ đi rộng 1,2m. Do đó, các bên đã không thực hiện được việc chia di sản thừa kế theo Biên bản họp gia đình ngày 02/8/2007. Ngày 28/11/2019, các ông bà tiếp tục họp gia đình và thống nhất chia thừa kế lại, nên biên bản ngày 02/8/2007 không còn giá trị pháp lý. Theo Biên bản họp gia đình ngày 28/11/2019 ông Chờ được chia 200m^2, bà Bình được chia 40m^2, toàn bộ phần đất còn lại là của ông Nghĩa; ông Chờ đi ngõ khác ra đường bê tông phía Bắc của thửa đất. Nhưng ông Nghĩa chỉ đồng ý để ngõ đi rộng 0,8m, không thuận tiện cho việc sử dụng ngõ đi và không đảm bảo quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Nghĩa và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nghĩa cho rằng di sản thừa kế đã được chia theo biên bản họp gia đình ngày 02/8/2007 là phù hợp.

Cụ Hải trước khi chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ Hải được chia theo pháp luật.

Chia bằng giá trị:

Ông Nghĩa, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi được chia kỷ phần bằng nhau và mỗi kỷ phần có giá trị là: 22.932.000.000 đồng: 4 = 5.733.000.000 đồng.

Bà Đợi tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông Nghĩa, do đó, ông Nghĩa được hưởng: 5.733.000.000 đồng x 2 = 11.466.000.000 đồng.

Ông Chờ, bà Bình mỗi người được hưởng: 5.733.000.000 đồng.

Chia bằng hiện vật:

Sau khi cụ Quý, cụ Hải chết, các đương sự đã nhiều lần họp gia đình để tự phân chia di sản thừa kế. Nhưng việc phân chia di sản theo các biên bản họp gia đình chưa đảm bảo cho việc quản lý, sử dụng đất và thuận tiện về lối đi nên các đương sự đã không thực hiện được việc chia di sản theo các biên bản họp gia đình. Vì vậy, khi chia di sản thừa kế bằng hiện vật, cần đảm bảo việc sử dụng thửa đất và ngõ đi thuận tiện, ổn định, không gây mâu thuẫn, mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản án sơ thẩm chia hiện vật trên cơ sở hiện trạng tài sản, nguyện vọng của đương sự, đảm bảo việc quản lý, sử dụng đất của các đương sự và không chia cắt phần đất của ông Nghĩa đã mua và được cho là phù hợp. Chia hiện vật cụ thể như sau:

- Giao ông Chờ được quản lý, sử dụng 200m^2 đất, trị giá: 200m^2 x 42.000.000 đồng = 8.400.000.000 đồng; trên đất có: Một phần nhà cấp 4 do ông Nghĩa xây dựng, diện tích 26,3m^2, trị giá: 7.443.000 đồng; sân lát gạch đỏ do ông Nghĩa xây năm 1988, trị giá: 1.686.000 đồng; cổng ông Nghĩa xây năm 1988 gồm: 2 cánh cổng sắt, trị giá: 436.000 đồng; 2 trụ cổng xây gạch 330, không trát, trị giá: 78.000 đồng; Tổng trị giá tài sản ông Chờ được chia là: 8.409.643.000 đồng (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Sau khi có bản án sơ thẩm anh Vương đã xây tường bao trên phần đất bản án sơ thẩm giao cho ông Chờ sử dụng nên ông Chờ được phá bỏ toàn bộ phần tường bao do anh Vương xây dựng.

- Giao bà Bình được quản lý, sử dụng 45,4m^2 đất và 27,6m^2 ngõ đi, trị giá: (45,4m2+27,6m2) x 42.000.000 đồng = 3.066.000.000 đồng; trên đất có một phần tường rào giáp nhà ông Tuấn, trị giá 1,8m x (11,39m + 1,5m) x 676.000 đồng x 20% = 3.137.000 đồng; một phần nhà cấp 4 do ông Nghĩa xây dựng có diện tích 1,5m^2, trị giá: 424.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bà Bình được chia là: 3.069.561.000 đồng (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Giao ông Nghĩa được quản lý, sử dụng 273m^2 đất của cụ Hải để lại, trị giá: 273m^2 x 42.000.000 đồng = 11.466.000.000 đồng và 546m^2 đất của cụ Quý để lại, trị giá: 22.932.000.000 đồng. Tổng diện tích đất ông Nghĩa được quản lý, sử dụng là 273m^2 + 546m^2 = 819m^2; trên đất có: Nhà cấp 4, mái lợp Brô xi măng, tường xây 110, do ông Chờ xây năm 2003-2004, đã xuống cấp, hiện chỉ để đồ, trị giá: 2.638.000 đồng; bể nước, ông Chờ xây năm 2003-2004, trị giá: 853.000 đồng. Nhà cấp 4, mái ngói, tường xây 110, xây năm 1983-1984, trị giá: 6.537.000 đồng; nhà bếp, nhà vệ sinh, mái tôn, tường xây 110, xây năm 1985-1986, trị giá: 8.688.000 đồng; nhà cấp 4, mái ngói, tường xây 220, nền lát gạch hoa 20x20cm, xây năm 1984, trị giá: 11.037.000 đồng; một phần tường rào giáp nhà ông Tuấn, trị giá: 1,8m x (9,69+6,47+5,05) x 676.000 đồng x 20% = 5.162.000 đồng. Tổng trị giá tài sản ông Nghĩa được chia: 34.427.753.000 đồng (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Bà Bình không yêu cầu ông Chờ phải thanh toán phần chênh lệch tài sản nên ghi nhận.

Ông Chờ không yêu cầu ông Nghĩa phải thanh toán giá trị nhà và các công trình do ông Chờ xây dựng trên phần diện tích đất được giao cho ông Nghĩa nên ghi nhận.

Ông Chờ phải thanh toán cho ông Nghĩa giá trị các công trình do ông Nghĩa xây dựng trên phần đất ông Chờ được chia là: 9.643.000 đồng.

Bà Bình có quyền tháo dỡ phần nhà cấp 4 trên diện tích đất được giao cho bà Bình để đảm bảo việc sử dụng ngõ đi. Khi tháo dỡ, phải đảm bảo đối với phần công trình còn lại.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng kí quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Về công sức:

Ông Nghĩa kháng cáo đề nghị được trích công sức trước khi chia thừa kế. Nhận thấy: Tổng diện tích đất chia thừa kế là 1.092m^2. Ông Nghĩa được giao sử dụng 819m^2, ông Chờ được giao 200m^2, bà Bình được giao 45,4m^2 đất và 27,6m^2 ngõ đi. Như vậy, ông Nghĩa được giao phần lớn diện tích đất của các cụ để lại; mặt khác ông Chờ có xây dựng công trình trên đất và quản lý sử dụng một phần diện tích đất nên không cần trích công sức duy trì, tôn tạo thửa đất cho ông Nghĩa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội và kháng cáo của ông Nghĩa.

Về yêu cầu hủy Văn bản công chứng:

Xét Văn bản thỏa thuận cử người đại diện, số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân:

Về nội dung, văn bản ghi nhận di sản của cụ Hải, cụ Quý để lại là 1.359m^2 căn cứ cung cấp của ông Nghĩa và được các đồng thừa kế thống nhất xác nhận. Ông Nghĩa cũng xác nhận việc ông trình bày di sản của bố mẹ ông là 1.359m^2, mục đích là để tiện cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm lập văn bản, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi đều nhất trí cử ông Nghĩa đại diện và thực hiện các công việc nêu trong văn bản để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về thủ tục, công chứng viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Trước khi công chứng, Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân đã ra Thông báo về việc cử người đại diện số 028/TB-CCVX ngày 24/7/2019 và niêm yết công khai tại UBND xã Hữu Hòa. Hết thời hạn niêm yết, không ai có ý kiến gì. Các đương sự cũng không có ý kiến gì về thủ tục công chứng.

Vì vậy, Văn bản thỏa thuận cử người đại diện, số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân được lập trên cơ sở sự thỏa thuận và ý chí của các đương sự, nội dung văn bản không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận nêu trên của ông Nghĩa là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, ông Chờ, bà Bình, bà Đợi đều có ý kiến không tiếp tục cử ông Nghĩa làm đại diện, ông Nghĩa cũng từ

chối làm người đại diện thực hiện các công việc theo văn bản thỏa thuận trên. Căn cứ Điều 140 Bộ luật dân sự năm 2005, chấm dứt việc cử ông Nghĩa làm người đại diện theo Văn bản thỏa thuận cử người đại diện, số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội một phần phù hợp với nhận định của HĐXX.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nghĩa và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đạo.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng không được chấp nhận anh Đạo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nghĩa là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 134, 135, 138, 140, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật Công chứng năm 2014;
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Chờ.

2. Xác nhận quyền sử dụng 1.092m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Hải, cụ Tưởng Thị Quý.

Chia tài sản chung vợ chồng, cụ Nguyễn Văn Hải và cụ Tưởng Thị Quý mỗi người được chia 1.092m^2: 2 = 546m^2, trị giá: 546m^2 x 42.000.000 đồng/m2 = 22.932.000.000 đồng.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hải là ngày 13/4/1997. Thời điểm mở thừa kế của cụ Tưởng Thị Quý là ngày 01/4/1977. Xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của cụ Hải còn thời hiệu. Xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Quý đã hết.

4. Xác nhận những người được thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Hải là: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Đợi. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng trị giá 5.733.000.000 đồng.

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đợi nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa. Ông Nguyễn Văn Nghĩa được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 11.466.000.000 đồng.

4.2. Xác nhận ông Nguyễn Văn Chờ, bà Nguyễn Thị Bình mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 5.733.000.000 đồng.

5. Chia hiện vật nhà đất tại 1.092m^2 thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội như sau:

5.1. Giao ông Nguyễn Văn Chờ được sở hữu, sử dụng 200m^2 đất và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 1', 2', 30, 26, 1' theo sơ đồ phân chia); Tổng giá trị là: 8.409.643.000 đồng.

Ông Chờ được phá bỏ toàn bộ phần tường bao do anh Vương xây trên đất giao ông Chờ sử dụng.

5.2. Giao bà Nguyễn Thị Bình được sở hữu, sử dụng 45,4m^2 đất và 27,6m^2 ngõ đi và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 1, 1', 26, 30, 24', 24'', 25, 1 theo sơ đồ phân chia). Tổng giá trị là: 3.069.561.000 đồng.

5.3. Giao ông Nghĩa được sở hữu, sử dụng 819m^2 đất và các công trình trên phần đất được giao thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 2', 3', 27, 28, 29, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 31, 14', 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 24', 2' theo sơ đồ phân chia). Tổng trị giá: 34.427.753.000 đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bình không yêu cầu ông Chờ phải thanh toán phần chênh lệch tài sản.

6.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chờ không yêu cầu ông Nghĩa phải thanh toán giá trị nhà và các công trình do ông Chờ xây dựng trên phần diện tích đất được giao cho ông Nghĩa.

6.2. Ông Chờ phải thanh toán cho ông Nghĩa giá trị các công trình do ông Nghĩa xây dựng trên phần đất ông Chờ được chia là: 9.643.000 đồng.

7. Bà Bình có quyền tháo dỡ phần nhà cấp 4 trên diện tích đất được giao cho bà Bình để đảm bảo việc sử dụng ngõ đi. Khi tháo dỡ, phải đảm bảo đối với phần công trình còn lại.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, những người đang sinh sống tại thửa đất số 03, tờ bản đồ 05 tại xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án để thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Chấm dứt việc cử ông Nghĩa làm người đại diện theo Văn bản thỏa thuận cử người đại diện số công chứng 05571/2019/VBTT, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 được lập tại Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân.

10. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đạo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0062770 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Ông Nghĩa được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nghĩa, ông Chờ, bà Bình được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Liên Anh

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND huyện Thanh Trì;*
-*Chi cục THADS huyện Thanh Trì;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*